

TINH QUANG-NGAI SO DIA-CHINH
省 義 地 政 所

廣東省
地政所

huyện 府 縣 *Thôn* 社 村 *Thôn* 社 村 *Thôn* 社 村

蘇聯外國
Chester
Sở biên & sách gần-chi

NO MIEN O SACH DIEN-CHU 田上 請何 數號

Tên xuất bản
Cao Xuân
Đồ bản số hiện
Số hiệu miêng dãi

[Signature]

Cần Giờ
Điện Hích 西橋
Mau Sao
Thủy
Tô

1. 1 Hectare
 2. 1 Hectare
 3. 1 Hectare
 4. 1 Hectare
 5. 1 Hectare
 6. 1 Hectare
 7. 1 Hectare
 8. 1 Hectare
 9. 1 Hectare
 10. 1 Hectare
 11. 1 Hectare
 12. 1 Hectare
 13. 1 Hectare
 14. 1 Hectare
 15. 1 Hectare
 16. 1 Hectare
 17. 1 Hectare
 18. 1 Hectare
 19. 1 Hectare
 20. 1 Hectare
 21. 1 Hectare
 22. 1 Hectare
 23. 1 Hectare
 24. 1 Hectare
 25. 1 Hectare
 26. 1 Hectare
 27. 1 Hectare
 28. 1 Hectare
 29. 1 Hectare
 30. 1 Hectare
 31. 1 Hectare
 32. 1 Hectare
 33. 1 Hectare
 34. 1 Hectare
 35. 1 Hectare
 36. 1 Hectare
 37. 1 Hectare
 38. 1 Hectare
 39. 1 Hectare
 40. 1 Hectare
 41. 1 Hectare
 42. 1 Hectare
 43. 1 Hectare
 44. 1 Hectare
 45. 1 Hectare
 46. 1 Hectare
 47. 1 Hectare
 48. 1 Hectare
 49. 1 Hectare
 50. 1 Hectare
 51. 1 Hectare
 52. 1 Hectare
 53. 1 Hectare
 54. 1 Hectare
 55. 1 Hectare
 56. 1 Hectare
 57. 1 Hectare
 58. 1 Hectare
 59. 1 Hectare
 60. 1 Hectare
 61. 1 Hectare
 62. 1 Hectare
 63. 1 Hectare
 64. 1 Hectare
 65. 1 Hectare
 66. 1 Hectare
 67. 1 Hectare
 68. 1 Hectare
 69. 1 Hectare
 70. 1 Hectare
 71. 1 Hectare
 72. 1 Hectare
 73. 1 Hectare
 74. 1 Hectare
 75. 1 Hectare
 76. 1 Hectare
 77. 1 Hectare
 78. 1 Hectare
 79. 1 Hectare
 80. 1 Hectare
 81. 1 Hectare
 82. 1 Hectare
 83. 1 Hectare
 84. 1 Hectare
 85. 1 Hectare
 86. 1 Hectare
 87. 1 Hectare
 88. 1 Hectare
 89. 1 Hectare
 90. 1 Hectare
 91. 1 Hectare
 92. 1 Hectare
 93. 1 Hectare
 94. 1 Hectare
 95. 1 Hectare
 96. 1 Hectare
 97. 1 Hectare
 98. 1 Hectare
 99. 1 Hectare
 100. 1 Hectare
 101. 1 Hectare
 102. 1 Hectare
 103. 1 Hectare
 104. 1 Hectare
 105. 1 Hectare
 106. 1 Hectare
 107. 1 Hectare
 108. 1 Hectare
 109. 1 Hectare
 110. 1 Hectare
 111. 1 Hectare
 112. 1 Hectare
 113. 1 Hectare
 114. 1 Hectare
 115. 1 Hectare
 116. 1 Hectare
 117. 1 Hectare
 118. 1 Hectare
 119. 1 Hectare
 120. 1 Hectare
 121. 1 Hectare
 122. 1 Hectare
 123. 1 Hectare
 124. 1 Hectare
 125. 1 Hectare
 126. 1 Hectare
 127. 1 Hectare
 128. 1 Hectare
 129. 1 Hectare
 130. 1 Hectare
 131. 1 Hectare
 132. 1 Hectare
 133. 1 Hectare
 134. 1 Hectare
 135. 1 Hectare
 136. 1 Hectare
 137. 1 Hectare
 138. 1 Hectare
 139. 1 Hectare
 140. 1 Hectare
 141. 1 Hectare
 142. 1 Hectare
 143. 1 Hectare
 144. 1 Hectare
 145. 1 Hectare
 146. 1 Hectare
 147. 1 Hectare
 148. 1 Hectare
 149. 1 Hectare
 150. 1 Hectare
 151. 1 Hectare
 152. 1 Hectare
 153. 1 Hectare
 154. 1 Hectare
 155. 1 Hectare
 156. 1 Hectare
 157. 1 Hectare
 158. 1 Hectare
 159. 1 Hectare
 160. 1 Hectare
 161. 1 Hectare
 162. 1 Hectare
 163. 1 Hectare
 164. 1 Hectare
 165. 1 Hectare
 166. 1 Hectare
 167. 1 Hectare
 168. 1 Hectare
 169. 1 Hectare
 170. 1 Hectare
 171. 1 Hectare
 172. 1 Hectare
 173. 1 Hectare
 174. 1 Hectare
 175. 1 Hectare
 176. 1 Hectare
 177. 1 Hectare
 178. 1 Hectare
 179. 1 Hectare
 180. 1 Hectare
 181. 1 Hectare
 182. 1 Hectare
 183. 1 Hectare
 184. 1 Hectare
 185. 1 Hectare
 186. 1 Hectare
 187. 1 Hectare
 188. 1 Hectare
 189. 1 Hectare
 190. 1 Hectare
 191. 1 Hectare
 192. 1 Hectare
 193. 1 Hectare
 194. 1 Hectare
 195. 1 Hectare
 196. 1 Hectare
 197. 1 Hectare
 198. 1 Hectare
 199. 1 Hectare
 200. 1 Hectare
 201. 1 Hectare
 202. 1 Hectare
 203. 1 Hectare
 204. 1 Hectare
 205. 1 Hectare
 206. 1 Hectare
 207. 1 Hectare
 208. 1 Hectare
 209. 1 Hectare
 210. 1 Hectare
 211. 1 Hectare
 212. 1 Hectare
 213. 1 Hectare
 214. 1 Hectare
 215. 1 Hectare
 216. 1 Hectare
 217. 1 Hectare
 218. 1 Hectare
 219. 1 Hectare
 220. 1 Hectare
 221. 1 Hectare

BAN SAO DIA-DO 陸 陸 陸 陸 陸

Thu nhỏ lại 1/20.0 收小 = 十分之一

Tiong ban trieh-lie

phải nêu rõ khoản gì cần

phải thay đổi hoặc làm

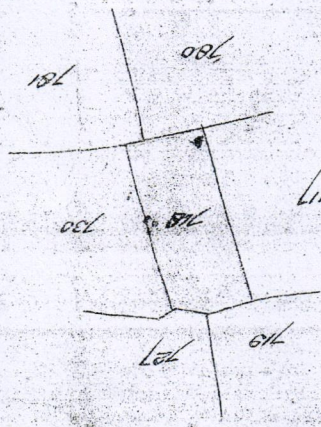
1952 1001 001 001 1001

22 DECEMBER 1964

ALL INFORMATION CONTAINED HEREIN IS UNCLASSIFIED

1944

年能廣地更廣
 欲更廣地更廣
 市更廣地更廣
 何更廣地更廣
 得更廣地更廣
 應更廣地更廣

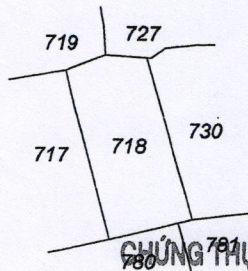
[illegible]

Bản trích-lưu phát ngày

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ

BẢN SAO

Thửa đất số 718, tờ bản đồ số 02, thôn Chánh Lộ, xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi (Năm 1935)



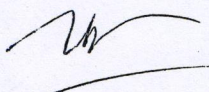
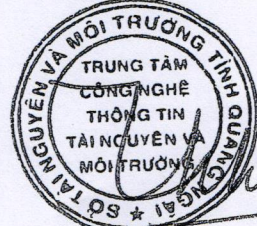
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 78317. Quyền số 1-2025CT/BS

Ngày 25 tháng 11 năm 2025

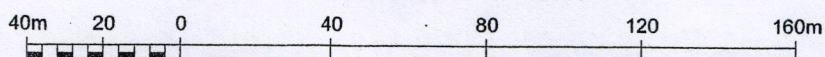
CÔNG CHỨNG VIÊN



TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN T&MT	
Ngày 13 tháng 3 năm 2020	Phó Giám đốc
Người trích lục	
	
Nguyễn Thị Thùy Dương	Tạ Thanh Tùng

TỈ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa



TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ

BẢN SAO

Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 22, phường Lê Hồng Phong, thị xã Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (Năm 2000)

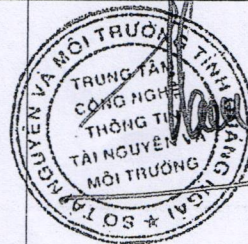


CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực... Quyển số... 11... 2025/BS
Ngày... 25 tháng... 2025 năm...
CÔNG CHỨNG VIÊN



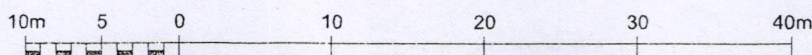
Lạ Minh

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TN&MT	
Ngày 30 tháng 7 năm 2021	Giám đốc
Người trích lục	
Nguyễn Thị Thùy Dương	Nguyễn Hải Nam



TỈ LỆ 1:500

1 cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa



PHIẾU THU

số :

366

Ngày tháng năm

4 tháng 4 năm 1985

Tại khoản ghi Có

Nhân của :

Bộ phận công tác :

Về khoản :

Số tiền :

10 đ. (bằng chữ)

Kèm theo : chứng từ gốc

Hệ TOÀN THANH TOÀN

TOÀN TRƯỞNG

THỦ QUY

Ngày

tháng 4 năm 1985

Tên họ

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ
Cục thuế Mã số
Chi cục thuế
Đơn vị thu : Mã số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MẪU : CTT 14

Quyển số : 0470

AS/00-B

7062

BIÊN LAI
THU THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT

Nº 023454

(Liên 2 : Giao cho người nộp thuế)

Người nộp thuế : La Thu Nhũ
Địa chỉ : 1 Hố Xâm Canh Lê Hồng Phong
Theo thông báo nộp thuế số : ngày tháng Xg năm 200.....

CHỈ TIÊU	Nộp bằng tiền		Nộp bằng hiện vật	
	Số tiền (đồng)	Qui thóc (kg)	Qui thóc (kg)	Qui tiền (đồng)
1. Thuế cây hàng năm	25.300	18,1		
2. Thuế cây lâu năm				
3. Thuế rừng trồng				
CỘNG				

Tổng số tiền đã nộp :
(Bằng chữ) : Hai mươi lăm ngàn ba trăm đồng chẵn
Ngày 14 tháng 8 năm 200.....

Người nộp thuế
(Chữ rõ họ tên)

Người thu thuế mã số
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xiang

IN TÀI XÍ NGHIỆP IN THÔNG KẾ

TỔNG CỤC THUẾ

Quyển số :

Cục thuế ... Mô số

RL/96-2

0071

Chi cục thuế ...

BIÊN LAI

Đơn vị thu: ...

THU THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT

Liên 2 : Giao cho người nộp thuế

Nº 103523

Người nộp thuế: ...

Địa chỉ: ...

Theo thông báo nộp thuế số: ... ngày ... tháng ... năm 199...

CHỈ TIÊU	Nộp bằng liên		Nộp bằng hiện vật	
	Số tiền (đồng)	Qui thóc (kg)	Qui thóc (kg)	Qui tiền (đồng)
1. Thuế cây hằng năm				
2. Thuế cây lâu năm	72.900	54		
3. Thuế rừng trồng				
CỘNG				

Tổng số tiền đã nộp: (Bằng chữ): ...

Ngày ... tháng ... năm 199...

Người nộp thuế
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người thu thuế mã số
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng

IN TÀI XÍ NGHIỆP IN NAM HUNG

Handwritten signature

CHINH THUAN (CHINH THUAN)

1086

173670

1971

CONG HOA XA HO CHI MINH VIET NAM

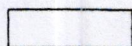
830 831060

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
GIẤY CHỨNG NHẬN



TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ
TỶ LỆ: 1/

lưu địa điểm



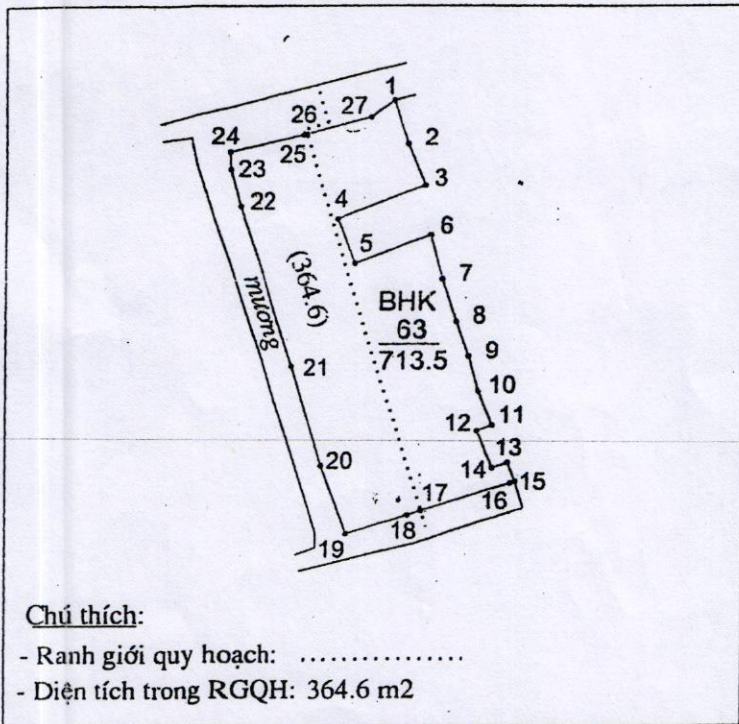
Vị trí đất cấp giấy CN-QSĐĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XÁC NHẬN KẾT QUẢ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG THỬA ĐẤT

1. Thửa đất số: 63 ; Tờ bản đồ số: 02
2. Đo đạc theo Dự án: Khu dân cư Bàu Cả kết hợp chỉnh trang đô thị
3. Đơn vị thi công: Công ty TNHH Cung ứng Dịch vụ Trắc địa Bình Tiến
4. Địa chỉ thửa đất: Tổ....., phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi
5. Diện tích: 713.5 m²; Mục đích sử dụng đất: Đất bằng trồng cây hàng năm khác
6. Tên người sử dụng đất: Lê Thị Hiệp
7. Địa chỉ thường trú: Tổ....., phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi
8. Hình thức sử dụng: chung ☐ , riêng ☒
9. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:
 - Loại giấy tờ hiện có:.....; Diện tích trên giấy tờ:.....m²
 - Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất so với khi có giấy tờ:.....
10. Tình hình tranh chấp sử dụng đất: Không có tranh chấp
11. Sơ đồ thửa đất:
12. Tọa độ và chiều dài cạnh thửa



STT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1673143.89	586001.99	4.88
2	1673139.24	586003.46	4.77
3	1673134.81	586005.24	9.59
4	1673131.32	585996.31	5.09
5	1673126.58	585998.16	8.23
6	1673129.55	586005.84	4.85
7	1673124.87	586007.10	4.74
8	1673120.36	586008.56	3.94
9	1673116.66	586009.91	3.92
10	1673112.88	586010.93	4.02
11	1673109.14	586012.40	1.65
12	1673108.53	586010.87	4.30
13	1673104.52	586012.43	1.64
14	1673105.11	586013.96	2.18
15	1673103.08	586014.75	0.51
16	1673102.91	586014.27	9.61
17	1673099.94	586005.13	1.46
18	1673099.49	586003.74	

Quảng Ngãi, ngày 10 / 10 / 2016
Cán bộ đo đạc

Huỳnh Văn Quang

Ngày 26 / 10 / 2016
Người sử dụng đất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hiệp



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 7 năm 1992

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đất cho Bà Võ Thị Luật - P. Lê Hồng Phong
Đang xây dựng Nhà ở

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Căn cứ điều 47 luật Tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 30.6-1989.
- Căn cứ điều 13, 14 luật đất đai nước CHXHCN Việt Nam công bố ngày 08-1-1988
- Căn cứ quyết định số 103 ngày 31 tháng 3 năm 1992 của UBND Tỉnh Quảng Ngãi về việc Thu hồi đất Bà Nhứt, Đ. Mai, Đ. Toàn QH dân cư
- Xét tờ trình xin cấp đất xây dựng Nhà ở của Bà Võ Thị Luật
- Theo đề nghị của ông Trưởng ban quản lý Đất đai Tỉnh, ông chủ tịch UBND huyện (thị xã) Quảng Ngãi

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay giao đất cho Bà Võ Thị Luật
Đang xây dựng Nhà ở
Diện tích 86,4 m² (Tán sâu sát tự mét vuông)
Kích thước: Dài 11 mét, rộng 4,2 mét
Đã trừ khoảng cách từ tìm đường 11,5 mét
Loại đất Đất trồng rau nước
Giới cận: Đồng giáp Đồng Quang Trung
Tay giáp Đất lúa
Nam giáp Lũ đất số 06
Bắc giáp Lũ đất số 03
Thuộc các thửa số 07 tờ bản đồ số QH dân cư Sông Đào
Xã (phường, thị trấn) Lê Hồng Phong
Huyện thị xã Quảng Ngãi (Số bản đồ vị trí kèm theo)

Điều 2: Bà Võ Thị Luật phải đền bù hoa màu, nhà cửa, vật kiến trúc, kinh phí di chuyển mồ mã (nếu có) trên diện tích được giao cho người đang sử dụng đất hợp pháp, nộp tiền đền bù đất đai tiền lệ phí địa chính cho nhà nước phải và thực hiện đầy đủ các qui định của luật đất đai.

- Sau khi có quyết định giao đất Bà Võ Thị Luật phải xin giấy phép xây dựng và thực hiện các qui định về xây dựng cơ bản,

- Ban quản lý đất đai Tỉnh, cùng UBND huyện (thị xã) Quảng Ngãi UBND xã (phường, thị trấn) Lê Hồng Phong liên hành cầm

CHỨNG NHẬN SAO ĐÚNG VỚI BẢN gốc để theo dõi việc thực hiện của Bà Võ Thị Luật

Ngày 28-8-92 tháng 8 năm 1992 Quyền Trưởng các Sở, Ban, ngành có liên quan Chủ tịch UBND huyện (thị xã) Quảng Ngãi và Ông (Bà) Võ Thị Luật chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

7X. Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi

NƠI NÀO
Nhuận

CÔNG CHỨNG VIÊN

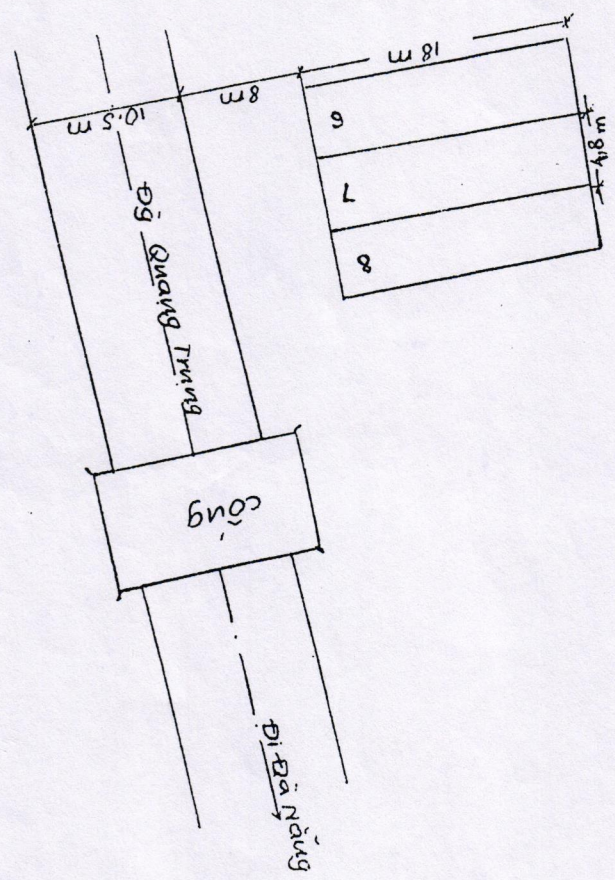
Đo Thị Thanh Bình



1/10

Ban QLĐT tỉnh Quảng Ngãi

Vị trí cấp đất



TX. QUẢNG NGÃI

DÂN CƯ KHU VỰC SÔNG ĐÀO



P. LÊ H. PHONG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 8 năm 1992

QUYẾT ĐỊNH

CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG NHÀ Ở

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Căn cứ quyết định giao đất xây dựng số 1011/QĐ-UB ngày 25/2/1992 của UBND Tỉnh Quảng Ngãi.

- Xét đơn xin phép xây dựng nhà ở của Ông, bà Đoàn Thị Luật

Chứng minh nhân dân số cấp ngày

Nơi cư trú Xã (Phường) Lê Hồng Phương Huyện (Thị xã) Quảng Ngãi tỉnh Quảng Ngãi.

- Xét hồ sơ thiết kế đã được Sở xây dựng Quảng Ngãi thẩm tra.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Cho phép Ông, (bà) Đoàn Thị Luật được xây dựng nhà ở bằng vật liệu Bê tông cốt thép gạch đá

GỒM CÓ: Nhà chính M. Bểng 4.8M x 12M

- Nhà phụ M. Bểng 4.8M x 3M

(có hồ sơ thiết kế kèm theo)

Tại lô đất số 07 Số hiệu

Trên bản đồ Đ. H. Dân cư K. X. Sông Cầu Diện tích 86,4 M²

thuộc xã (phường) Lê Hồng Phương Huyện (Thị xã) Quảng Ngãi

(có trích lục bản đồ kèm theo)

ĐIỀU 2: Ông, (bà) có tên trên phải chấp hành các qui tắc xây dựng cơ bản:

- Về qui hoạch: + Cao độ nền nhà + 0.3M so với Đường Q. Trung
+ Tọa độ chuẩn Mép nhà cách Đường 8M

- Về kiến trúc (mặt đứng, mặt bằng, tầng cao),

Nhà cao 2 tầng, chiều cao tầng = 3.5M

- Về kỹ thuật: Cấp công trình Cấp II

Kết cấu Nhà khung bê tông cốt thép M. Bểng

ĐIỀU 3: Trước khi khởi công xây dựng 3 ngày, chủ hộ phải báo cho Sở xây dựng và chính quyền địa phương (Xã, Phường) biết để đến tại hiện trường kiểm chứng việc định vị công trình đúng thiết kế và chỉ giới xây dựng cho phép.

ĐIỀU 4: Giấy phép này chỉ có hiệu lực trong thời gian 6 tháng kể từ ngày cấp. Nếu quá hạn mà chưa xây dựng công trình giấy phép không còn giá trị. Giấy phép này không có giá trị xác nhận quyền sở hữu về nhà ở quyền sử dụng đất.

ĐIỀU 5: Nếu xây dựng trái với thiết kế được duyệt, lấn chiếm đất đai vi phạm chỉ giới xây dựng, sẽ bị đình chỉ thi công, dỡ bỏ một phần hoặc toàn bộ công trình và thu hồi giấy phép xây dựng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Số : 382/QĐ-CT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 28. tháng 02. năm 1998

QUYẾT ĐỊNH

CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

"V/v công nhận quyền sử dụng đất làm nhà ở
của ông TRƯƠNG VỸ CÔNG"

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994 ;
- Căn cứ Luật Đất đai ngày 14/7/1993, Nghị định 45/CP ngày 03/8/1996 của Chính phủ về việc bổ sung Điều 10 của Nghị định 60/CP ngày 05/7/1994 về quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất ở đô thị ;
- Xét đơn xin công nhận quyền sử dụng đất của ông Trương Vỹ Công ;
- Theo đề nghị của Ông Giám đốc Sở Địa chính tại tờ trình số 166.../TT-ĐC ngày 27. /02./1998 và của UBND thị xã Quảng Ngãi tại tờ trình số 47/TT-UB ngày 10/02/1998,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Nay công nhận quyền sử dụng đất xây dựng nhà ở cho ông Trương Vỹ Công - CMND số 212112566 do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 03 tháng 7 năm 1997 hiện nay đang thường trú tại phường Lê Hồng Phong, thị xã Quảng Ngãi.

- Diện tích : 37,5 m² (ba mươi bảy phẩy năm mét vuông).
- Loại đất : Thổ cư
- Giới cận :
 - + Đông giáp: Thửa đất số 78 (nhà của ông Trương Vỹ Công).
 - + Tây giáp : Phần còn lại của thửa đất 75 (đất của ông Lê Trọng Mai).
 - + Nam giáp : Phần còn lại của thửa đất số 75
 - + Bắc giáp : Phần còn lại của thửa đất số 75.
- Vị trí 4, đường phố loại 4B, thuộc một phần thửa đất số 75, tờ bản đồ số 15 của phường Lê Hồng Phong, thị xã Quảng Ngãi.
(Có trích sao bản đồ địa chính do vẽ năm 1993 kèm theo).

Điều 2 : Cục thuế tỉnh có trách nhiệm xác định và thu tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ mà ông Trương Văn Công phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước. Ông Trương Văn Công phải nộp lệ phí địa chính tại Sở Địa chính, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai và các quy định về xây dựng cơ bản.

Điều 3 : Các ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Địa chính tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thị xã Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND phường Lê Hồng Phong và ông Trương Văn Công chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ./

KT. CHỦ TỊCH UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
PHÓ CHỦ TỊCH



Nơi nhận :

- Như điều 3
- Lưu VT

Trần Lê Trung

NHẬN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Quyển: TP/CC-SCC/SGT
Ngày 28 tháng 8 năm 2007

28-8-07



CÔNG CHỨNG VIÊN
Lê Thị Tuyết Hà





Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Dùng cho khu vực đô thị)

Kính gửi: UBND phường Lê Hồng Phong

1. Chủ sử dụng đất:a- Tên của hộ gia đình hoặc cá nhân: Hộ ông: Trương Vũ Công

- Năm sinh (của chủ hộ gia đình, cá nhân): 1948
 - Số CMND: 212.112.566 Cấp ngày: 03/7/1997 tại CA Quảng Ngãi
 - Quốc tịch: Miệt Nam

b- Tên tổ chức:

Thành lập theo Quyết định số: ngày/...../.....

Cơ quan quyết định thành lập:

c- Địa chỉ thường trú: khố 4 - phường Lê Hồng Phong TX Quảng Ngãi**2. kê khai đăng ký như sau:**

a- Về quyền sử dụng đất:

- Sử dụng đất tại thửa số: 205, Tờ bản đồ số: 11, Diện tích: 148,47 m²,
 Trong đó đăng ký quyền sử dụng đất như sau: (đo vẽ năm 2000)

Thứ tự	Mục đích sử dụng	Diện tích (m ²)		Thời hạn sử dụng
		Riêng	Chung	
<u>01</u>	<u>đo' ở'</u>	<u>148,47</u>		<u>Lâu dài</u>

- Nguồn gốc sử dụng đất: Nguyên là của mẹ tôi giao cho sử dụng và điều chỉnh công chứng xác nhận ngày 29/10/1993, diện tích 86,4 m². Sau đó UBND Tỉnh có công nhận thêm cho tôi được quyền sử dụng 37,5 m² và Công thêm 24,37 m² lại đất đai Thửa được theo

b- Về tài sản trên đất.

- Công trình nhà: Cấp II

+ Hiện trạng nhà:

Địa chỉ: 234, đường Quang Trung TX Quảng NgãiDiện tích xây dựng: m²; Diện tích sử dụng: m²; Tổng số tầng:

Kết cấu:

Căn hộ sở hữu số:; Diện tích sử dụng: m² (trường hợp nhà chung cư)

+ Nguồn gốc nhà:

+ Họ tên người đang sở hữu nhà:

Tài sản khác gắn liền với đất:

c. Giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp kèm đơn:

Chúng tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng và chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật về đất đai.

Ngày 04 tháng 10 năm 2002

NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

(Ký tên)

Trưởng Vũ Công

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG, THỊ TRẤN

- Về hiện trạng đất đai và tài sản: Hộ ông Trương Văn Công đang sử dụng thửa đất số 205 tờ bản đồ số 11 do cấp năm 1977. Diện tích 148,47 m².
- Về nguồn gốc đất đai và tài sản: Được ông Trương Văn Công đã giải tranh.
- Về tình trạng tranh chấp, khiếu nại đất đai: Sử dụng ổn định, không tranh chấp.
- Về qui hoạch sử dụng đất: Phù hợp với quy hoạch khu dân cư.

Ngày 04 tháng 10 năm 2002

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)



Hoài Phi Hải

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐỊA CHÍNH

(Thuộc Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

- Về mức độ đầy đủ của hồ sơ: Đầy đủ.
- Tính hợp pháp về quyền sử dụng đất: Được cấp, giấy cho thuê nhà, cấp CN QSD đất số 382.
- Đủ điều kiện hay không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Đủ điều kiện cấp giấy CN QSD đất.

Ngày 19 tháng 10 năm 2002

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐỊA CHÍNH



TRƯỞNG PHÒNG

Trần Minh Châu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

GIẢI TRÌNH

“Về nguồn gốc sử dụng đất”

Kính gửi : - Phòng địa chính thị xã Quảng Ngãi.
- UBND phường Lê Hồng Phong

Tôi tên : Trương Văn Công Sinh năm : 1948

CMND số : 212 112 566 do CA Quảng Ngãi cấp ngày 03/7/1997

Hiện thường trú tại : Khối 4 phường Lê Hồng Phong, thị xã Quảng Ngãi.

Nay tôi xin trình bày với quý cấp về nguồn gốc sử dụng đất nơi ngôi nhà tôi đang ở hiện nay như sau : Tháng 3 năm 1992 UBND tỉnh Quảng Ngãi qui hoạch vùng đất ao rau muống Sông đào - Bàu cả thành khu dân cư cấp đất xây dựng nhà ở cho một số đối tượng chính sách. Mẹ tôi là bà Võ thị Luật thương binh loại 1 vừa là mẹ liệt sĩ có hộ khẩu thường trú ở Phường Lê Hồng Phong, được UBND tỉnh Quảng Ngãi giao cho 01 lô đất để xây dựng nhà ở theo Quyết định số 1011/QĐ-UB ngày 25/7/1992 với diện tích $86,4m^2$ và đã xây dựng nhà ở trên phần diện tích này theo giấy phép xây dựng số 1049/QĐ-UB ngày 11/9/1992 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, cuối năm 1992, do điều kiện sức khỏe già yếu, cho nên mẹ tôi viết giấy để lại cho tôi tiếp tục quản lý sử dụng và đã được phòng công chứng Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi xác nhận ngày 29/10/1993. Tôi đã nộp thuế trước bạ và đã đăng ký quyền sở hữu nhà ở tại Sở Xây dựng Quảng Ngãi. Ngoài số diện tích $86,4m^2$ mẹ tôi giao cho tôi tháng 3/1993, tôi được ông Lê Trọng Mai chuyển nhượng $37,5m^2$ đất liền kề, nối tiếp với diện tích lô đất nói trên, được UBND phường Lê Hồng Phong nhất trí và đến ngày 28/02/1998 UBND tỉnh Quảng Ngãi đã công nhận quyền sử dụng đất thêm cho tôi $37,5m^2$ theo Quyết định số 382/QĐ-CT, tôi đã hoàn thành thủ tục nộp thuế các khoản lệ phí và đã xây dựng nhà ở trên phần diện tích này theo giấy phép của Sở Xây dựng. Như vậy cả 2 lần được UBND tỉnh Quảng Ngãi công nhận quyền sử dụng đất cho tôi là $123,9m^2$.

Trong khi tiến hành đo đạc để xây dựng nhà ở và công trình phụ thì có thừa ra diện tích là $26m^2$. Như vậy tổng đất tôi đang sử dụng hiện nay là $149,9m^2$ và đã xây dựng nhà ở và công trình phụ trên toàn bộ diện tích này. Nguyên nhân có phần diện tích dôi ra là do 2 mảnh đất liền kề giữa phần đất Nhà nước cấp cho mẹ tôi và đất ông Lê Trọng Mai chuyển nhượng cho tôi có bờ ruộng, mương nước không ai sử dụng, nên tôi đã tận dụng phần diện tích dôi ra đó để làm nhà ở đã ổn

định gần mười năm không ảnh hưởng gì đến qui hoạch và cũng không ai tranh chấp.

Nay tôi xin giải trình để quý cấp xem xét và tạo điều kiện cho tôi hoàn thành các thủ tục về quyền sử dụng đất

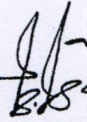
Tôi xin thành thật cảm ơn.

* Xác nhận của UBND phường

*Tam nguyên nguồn gốc Sử dụng đất đúng
với ông Trương Văn Công đã giải trình. Quá
trình Sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp
Kính chuyển các cấp thẩm quyền xét giải quyết.*

Lê Hồng Phong 5/79/2002

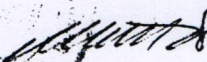
Người viết giải trình



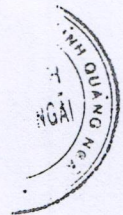
Trương Văn Công



LÊ HỒNG PHONG ____/____/200____
TM/UBND. PHƯỜNG
CHỦ TỊCH



Hoàng Thị Hải





Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Do đạc hiện trạng sử dụng đất của ông, bà Trương Vỹ Công
ở Khoá 4 xã, phường Lê Hồng Phong



Hôm nay, vào lúc 15 giờ 30 ngày 06 tháng 02 năm 1998
chúng tôi gồm có:

- chúng
- Ông: Nguyễn Tân Phòng địa chính thị xã
- Ông:
- Ông: Phùng Kim Anh Cán bộ địa chính xã phường
- Ông:
- Ông: Trương Vỹ Công chủ hộ
- Ông: Lê Hồng Mai Hết lân cận
- Ông:
- Ông:

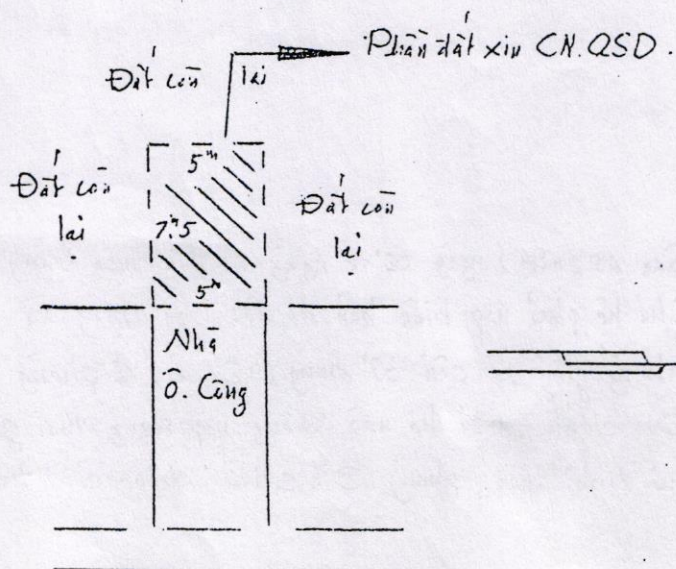
Theo đơn xin Độc lập pháp hóa công nhận QSD đất của ông Trương Vỹ Công
chúng tôi đến tại địa điểm để do đạc xác định diện tích đất hiện nay ông (bà)
Trương Vỹ Công đang sử dụng thuộc thửa đất số 903 tờ bản
đồ số 01 xã, phường Lê Hồng Phong thị xã Quảng Ngãi.

Sau khi chúng tôi cùng chủ hộ và các hộ lân cận xác định các cọc mốc giới phân
định quyền sử dụng đất của từng hộ xong. Chủ hộ & các hộ lân cận đều đồng ý công
nhận là đúng. Chúng tôi tiến hành do đạc cụ thể như sau:

Giới cận: Đông giáp Mia ông Trương Vỹ Công
Tây giáp Đất cõn lại của ông Lê Hồng Mai
Nam giáp Đất cõn lại của ông Lê Hồng Mai
Bắc giáp Đất cõn lại của ông Lê Hồng Mai

Diện tích: 37^{m²} 50

- Hình thể và số đo các cạnh được thể hiện theo sơ đồ sau đây:



Biên bản đo đạc hiện trạng Sử dụng đất của ông Công được kết thúc lúc
giờ16..... phút15'..... cùng ngày và nhất trí theo biên bản cùng ký tên dưới đây.

Hộ lân cận

Chủ hộ

Địa chính xã, phường

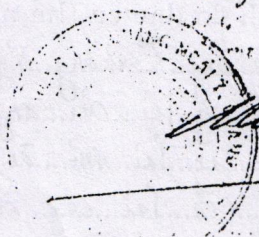
Địa chính thị xã

Lưu
Lê Trung Mai Trưởng hộ Công

Minh Anh
Đường Minh Anh

Đinh
Nguyễn Tấn

Xác nhận của UBND xã, phường ...LÊ HỒNG PHONG...

Ngày 09 tháng 01 năm 2008

Minh Anh

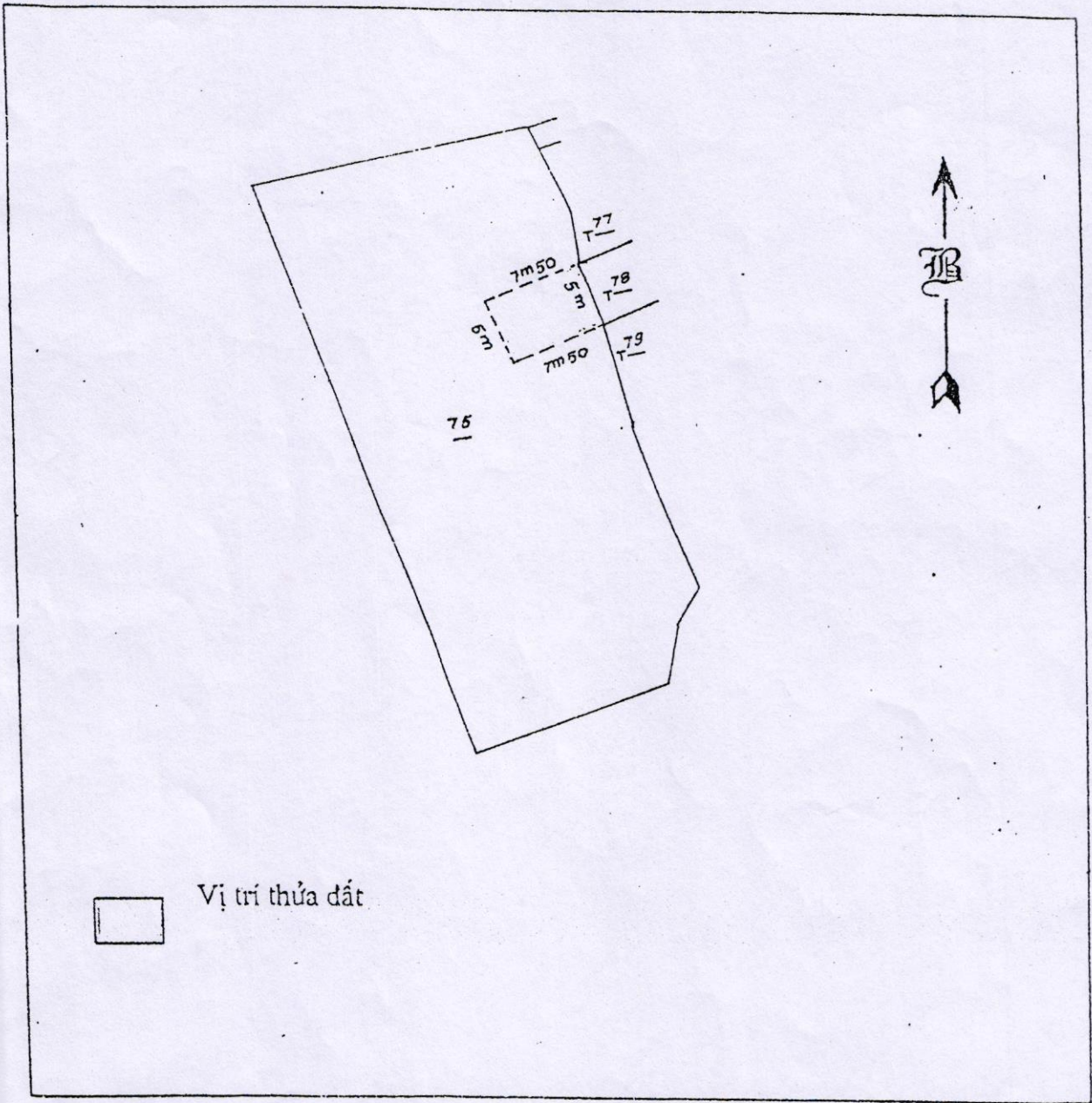
Ghi chú: Sau 05 (năm) ngày kể từ ngày đo đạc hiện trạng,
Chủ hộ phải nộp biên bản đo đạc hiện trạng và
những giấy tờ cần bổ sung (nếu có) về phòng
Địa chính, nếu hộ nào không nộp đúng thời gian
quy định trên, phòng Địa chính không cấp trích lục.

TRÍCH SAO BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Vị trí công nhận quyền sử dụng đất

Cho Ông (Bà) : **TRƯƠNG VỸ CÔNG**

Thửa đất số : **75** , tờ bản đồ số : **15** của Phường (Xã) : **LÊ HỒNG PHONG** Thị xã Quảng Ngãi
(Kèm theo quyết định số : **382** / QĐ-UB ngày **28** tháng **02** năm **1998**)



Ngày **29** tháng **02** năm **1998**
Người can vẽ

TỈ LỆ : 1/500

Trần Bá Sơn
Trần Bá Sơn

SỞ ĐỊA CHÍNH QUẢNG NGÃI
SỞ
ĐỊA CHÍNH
NGUYỄN B. B.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



Độc lập - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Do đạc hiện trạng sử dụng đất của : Hộ ông Trương Vũ Công
 Ở : Khoá 4 xã phường : Lê Hồng Phong
 Hôm nay, vào lúc 15 giờ 40 ngày 18 tháng 09 năm 2002

Chúng tôi gồm có:

- 1/ Ông : Trương Văn Việt Phòng Địa chính thị xã Quảng Ngãi
- 2/ Ông :
- 3/ Ông : Nguyễn Quốc Thành Cán bộ địa chính xã, phường.
- 4/ Ông :
- 5/ Ông : Trương Vũ Công Chủ hộ
- 6/ Ông : Mai Thanh Tùng
- 7/ Ông : Phan Tiến Cảnh Hộ lân cận
- 8/ Ông : Bà Lê Thị Huân Ông Lê Trọng Mai (k)

Theo đơn xin : Tranh đo thửa đất tôn thờ

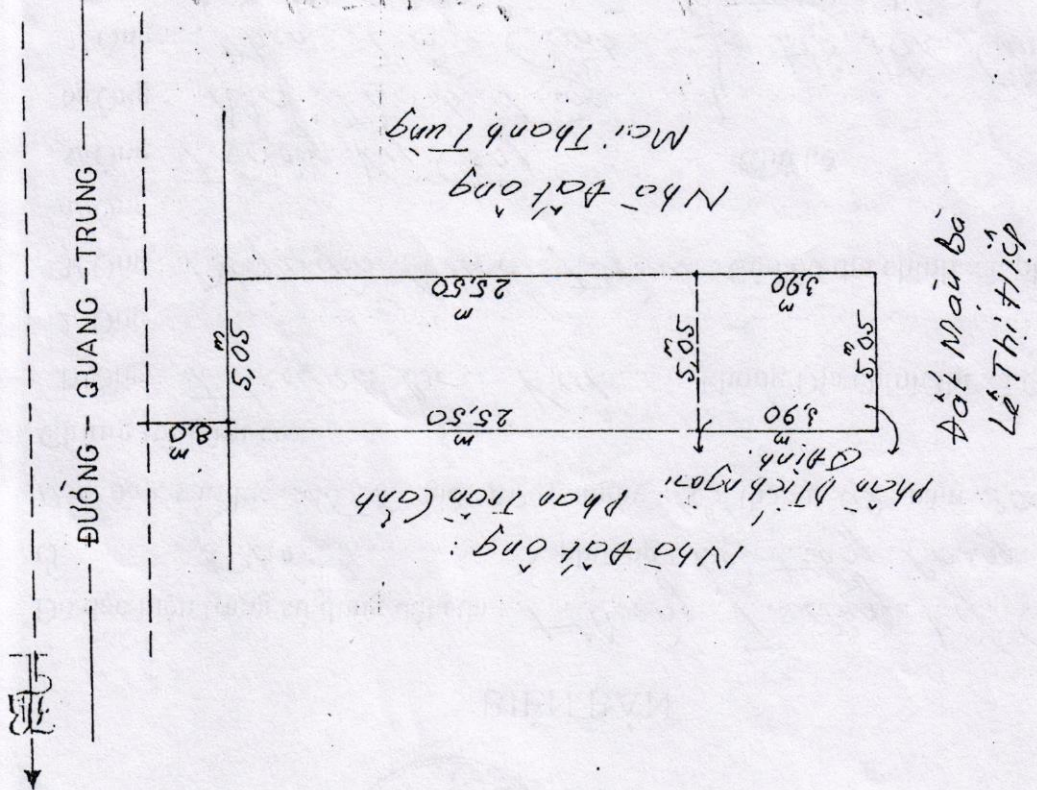
chúng tôi đến tại địa điểm để đo đạc xác định diện tích đất hiện nay của ông
Trương Vũ Công đang sử dụng thuộc thửa đất số 205 tờ bản đồ M
 xã, phường, Lê Hồng Phong thị xã Quảng Ngãi.

Sau khi chúng tôi cùng chủ hộ và các hộ lân cận xác định các cọc mốc giới phân định quyền sử dụng đất của từng hộ xong. Chủ hộ và các hộ lân cận đều đồng ý công nhận là đúng. Chúng tôi tiến hành đo đạc cụ thể như sau:

Giới cận :

- + Đông giáp : Đường Quang Trung
- + Tây giáp : Đất Mưu Bà Lê Thị Huân
- + Nam giáp : Nhà đất ông Mai Thanh Tùng
- + Bắc giáp : Nhà đất ông Phan Tiến Cảnh
- Diện tích chung : 14,8, 47 m²
- Diện tích xây dựng : 14,8, 47 m²
- Diện tích đất trống : 14,8, 47 m²

- Hình thể và số đo các cạnh thể hiện theo sơ đồ sau :



Biên bản đo đạc hiện trạng: SĐT: 090 123 4567. (Cùng ngày và nhất trí theo biên bản cùng ký tên dưới đây: 16. giờ. 30 phút. cùng ngày và nhất trí theo biên bản cùng ký tên)

HỌ TÊN CÁN CHU HỌ ĐỊA CHỈ XÃ PHƯỜNG ĐỊA CHỈ THỊ XÃ

Nguyễn Văn Thành
Trần Văn Hùng
Phạm Văn Hùng
Nguyễn Văn Hùng

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG
Mai Thanh Tuy

Chú ý và các hộ lân cận đã ký tên
Là đúng



Nguyễn Văn Hùng
Trần Văn Hùng
Phạm Văn Hùng
Nguyễn Văn Hùng

SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT

TRÍCH ĐO TRÊN THỰC ĐỊA

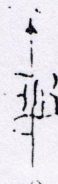
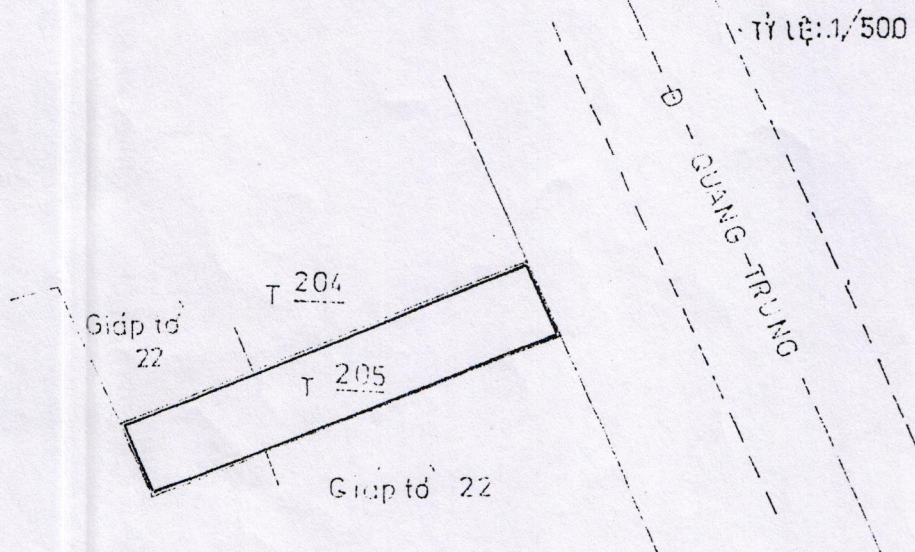
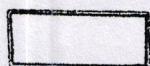
CHỦ SU DỤNG DẦU: TRƯỞNG VỸ CÔNG.

HIỆN TRẠNG THỪA ĐẤT SỐ: TỜ BẢN ĐỒ SỐ: ... (Do vẽ năm: ...)

HAY MANG SỐ THỬA: 205 ... TỜ BẢN ĐỒ SỐ: 11 (Đo vẽ năm: 2000)

XÃ PHƯỜNG: LÊ HỒNG PHONG... THỊ XÃ QUẢNG NGÃI.

TỶ LỆ: 1/500

[illegible]

VI TRI TRICH DO

DTID: .14847 m²

Đặt trên tờ giấy phẩy hết bằng một
(vòng)

NGÀY 26 THÁNG 09 NĂM 2002

NGƯỜI CAN YẾ

Thyris Cal. Vrb.

NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2002

PHÒNG-ĐIÀ-CHÍNH, TV 2 NG 36

THƯỜNG PHÒNG



Chăm Minh Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN

THỊ XÃ QUẢNG NGÃI

CHỨNG NHẬN

Họ ông (bà): *Trương Văn Công*

Số CMND: 212112566, Khối 4, phường Lê Hồng Phong

Được quyền sử dụng (148,47) m² đất

Tại: Phường Lê Hồng Phong

Thị xã Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi

Theo bảng liệt kê dưới đây:

STT sơ đồ	Số h thửa	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn vướng	Phân ghi thêm
11	205	148,47	T	Lâu dài	

CHỨNG THỰC BẢN SƠ ĐỒ VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 22/10/2006

ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Phạm Việt Sắt

Ngày 22 tháng 10 năm 2006

KT/Chủ tịch UBND

Phó Chủ tịch

Vào sổ cấp giấy chứng nhận

Quyền sử dụng đất

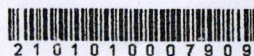
Số 00340/QSDD/897/00-UB

Nguyễn Hải

Vị trí đất cấp giấy CN-QSDD

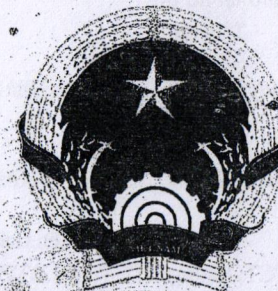
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2101010007909

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Họ ông: Trương Văn Công

Năm sinh: 1948, CMND số: 212112566

Địa chỉ thường trú: phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

BD 489284

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 205, tờ bản đồ số: 11
 b) Địa chỉ: Phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
 c) Diện tích: 148,47 m², (bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám phẩy bốn bảy mét vuông)
 d) Hình thức sử dụng: riêng 148,47 m², chung Không
 đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị
 e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài
 g) Nguồn gốc sử dụng:
 Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở:

- a) Địa chỉ: 234 đường Quang Trung, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
 b) Diện tích xây dựng: 148,47 m², c) Diện tích sàn: 304,01 m²
 d) Kết cấu: Móng BTCT, khung BTCT, sàn BTCT, mái lợp tole, tường xây gạch.
 đ) Cấp (Hạng): Cấp 2, e) Số tầng: 02
 f) Năm hoàn thành xây dựng: 1998, h) Thời hạn sở hữu: "-/-"

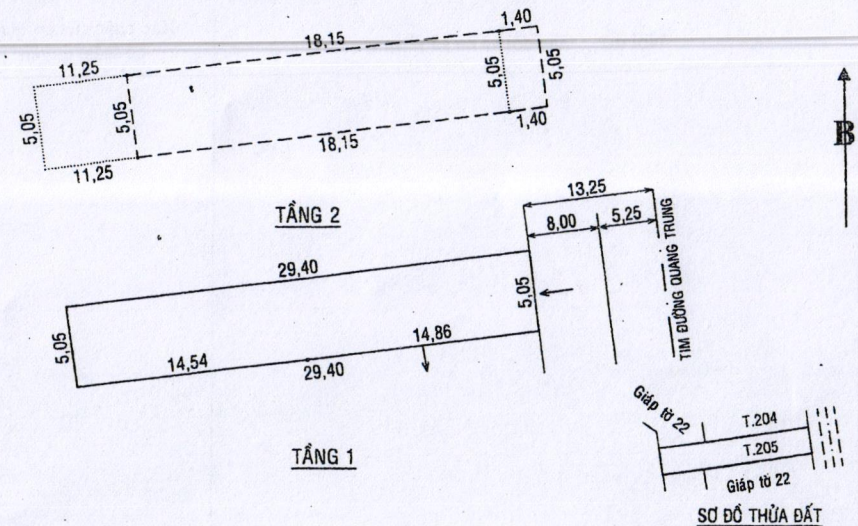
3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

6. Ghi chú: Không

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT
 GHI CHÚ: - Đơn vị đo: m (mét).

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

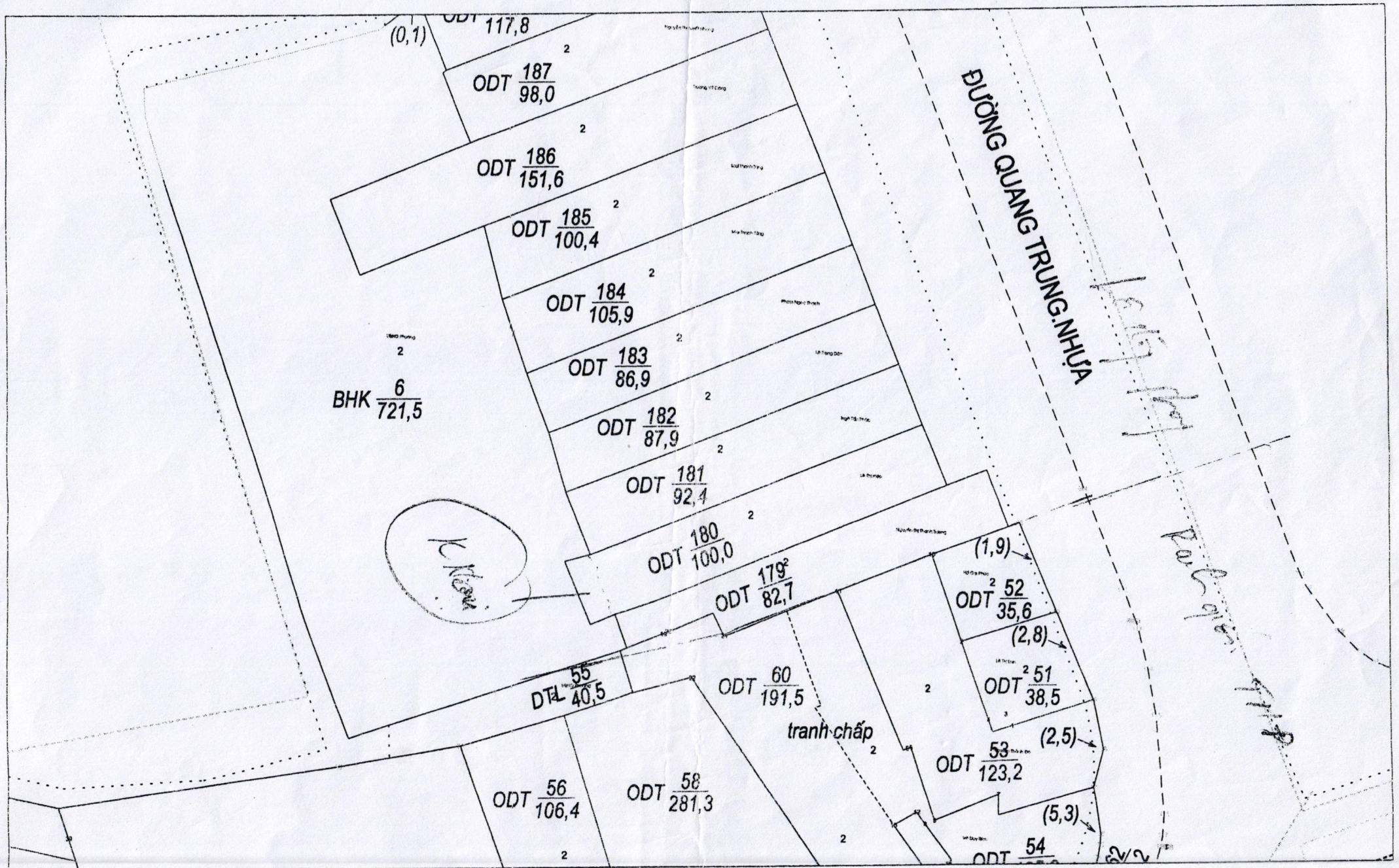
Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 12 năm 2010
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TP QUẢNG NGÃI

KT. CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải

Số vào sổ cấp GCN: CH.024.9.6..



0636 1



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

Chúng tôi ký tên dưới đây, những người tự nhận thấy có đủ năng lực hành vi dân sự và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi của mình, gồm:

BÊN ỦY QUYỀN (Sau đây gọi tắt là Bên A):

Ông : **LÊ TRỌNG DÂN**
Sinh ngày : 01/01/1967
Căn cước công dân số : 051067002784, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/4/2021.
Nơi thường trú : Phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Sau đây gọi tắt là Bên B):

Ông : **LÊ TRỌNG DŨNG**
Sinh ngày : 24/02/1957
Căn cước công dân số : 051057001791, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/4/2021.
Nơi thường trú : Phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

Qua bàn bạc trao đổi, hai bên cùng tự nguyện lập hợp đồng ủy quyền với nội dung sau:

ĐIỀU 1
NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Bên A ủy quyền cho Bên B được nhân danh và thay mặt Bên A tham gia hòa giải tranh chấp đất đai theo: Đơn yêu cầu hòa giải của ông Lê Trọng Dũng đề ngày 11/3/2026; Công văn số 619/UBND-NC, ngày 18/3/2026, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Cẩm Thành, về việc tham mưu giải quyết đơn của ông Lê Trọng Dũng; Biên bản làm việc ngày 12/6/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị - Ủy ban nhân dân phường Cẩm Thành.

- Trong phạm vi ủy quyền, Bên B được liên hệ với các cá nhân, cơ quan chức năng để tiến hành công việc ủy quyền; được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến công việc ủy quyền; được trình bày các yêu cầu, xuất trình chứng cứ; được lập và ký tên vào các văn bản giấy tờ có liên quan; nộp các khoản phí, lệ phí (nếu có); thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 2
THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Thời hạn ủy quyền kể từ ngày công chứng hợp đồng này cho đến khi thực hiện xong công việc ủy quyền hoặc việc ủy quyền chấm dứt theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 3
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

1. Bên A có các quyền sau đây:

- a. Yêu cầu Bên B thông báo đầy đủ về việc thực hiện công việc ủy quyền;
2. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:
 - a. Cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết để Bên B thực hiện công việc được ủy quyền;
 - b. Chịu trách nhiệm về cam kết do Bên B thực hiện trong phạm vi ủy quyền;
 - c. Thanh toán chi phí hợp lý (nếu có) mà Bên B đã bỏ ra để thực hiện công việc được ủy quyền.

ĐIỀU 4 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Bên B có các quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết nhằm thực hiện công việc ủy quyền;
 - b. Được thanh toán chi phí hợp lý mà mình đã bỏ ra để thực hiện công việc ủy quyền.
2. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thực hiện công việc ủy quyền theo ủy quyền và báo cho Bên A về việc thực hiện công việc đó;
 - b. Báo cho người thứ ba trong quan hệ thực hiện ủy quyền về thời hạn, phạm vi ủy quyền và việc sửa đổi, bổ sung phạm vi ủy quyền;
 - c. Bảo quản, giữ gìn tài liệu và phương tiện được giao để thực hiện việc ủy quyền;
 - d. Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong khi thực hiện ủy quyền;
 - e. Bồi thường thiệt hại do vi phạm các nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng;

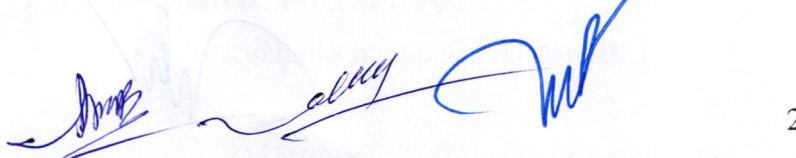
ĐIỀU 5 VIỆC NỘP PHÍ CÔNG CHỨNG

Phí công chứng hợp đồng này do Bên A chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 6 CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Đã khai đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin đã ghi trong hợp đồng này; cũng như giấy tờ, hồ sơ liên quan; hai bên không đề nghị Công chứng viên phải xác minh gì thêm, cũng như không có bất kỳ khiếu nại gì liên quan đến việc chứng nhận hợp đồng này trong những nội dung nêu trên.
2. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này.



ĐIỀU 7
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

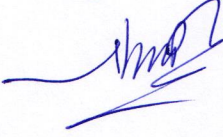
1. Hai bên đã được Công chứng viên giải thích kỹ và đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng này.

2. Hai bên đã đọc hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong hợp đồng và ký vào hợp đồng này trước mặt Công chứng viên.

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm Công chứng viên Văn phòng công chứng Ngô Văn Hiền chứng nhận.

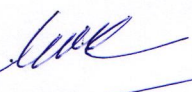
BÊN A

(ký và ghi rõ họ tên)

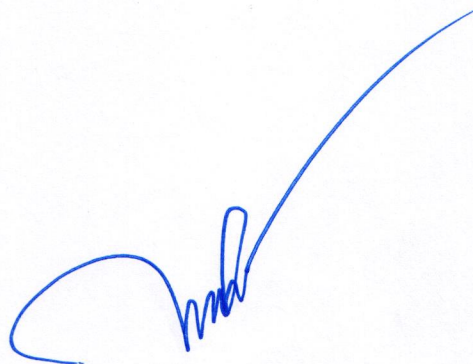
Tôi đã đọc và đồng ý

Lê Trọng Dân 

BÊN B

(ký và ghi rõ họ tên)

Tôi đã đọc và đồng ý

Lê Trọng Dân 

Đ: 19-
AN PHÒNG
NG CHỨN
Ô VĂN HIỀN
INH-T.QU



LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 25 tháng 06 năm 2026 (ngày hai mươi lăm, tháng sáu, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu).

Tại trụ sở Văn phòng công chứng Ngô Văn Hiền, địa chỉ: số 125 đường Lê Trung Đình, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

Tôi Ngô Văn Hiền....., công chứng viên, trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng ủy quyền này được giao kết giữa:

BÊN ỦY QUYỀN (Bên A):

Ông : **LÊ TRỌNG DÂN**
Sinh ngày : 01/01/1967
Căn cước công dân số : 051067002784, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/4/2021.
Nơi thường trú : Phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Bên B):

Ông : **LÊ TRỌNG DŨNG**
Sinh ngày : 24/02/1957
Căn cước công dân số : 051057001791, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/4/2021.
Nơi thường trú : Phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng này;
- Tại thời điểm ký vào từng trang và điểm chỉ vào trang cuối của hợp đồng này, các bên giao kết có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
- Các bên giao kết cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các thông tin và các giấy tờ đã cung cấp liên quan đến việc giao kết hợp đồng này;
- Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã tự đọc lại, đồng ý toàn bộ nội dung và ký vào từng trang và điểm chỉ vào trang cuối của hợp đồng này trước sự chứng kiến của tôi vào ngày 25 tháng 06 năm 2026 (ngày hai mươi lăm, tháng sáu, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu); chữ ký và dấu điểm chỉ trong hợp đồng đúng là chữ ký và dấu điểm chỉ của các bên nêu trên;

- Văn bản công chứng này được lập thành 04 (bốn) bản gốc, mỗi bản gốc gồm 03 tờ, 04 trang, có giá trị pháp lý như nhau; người yêu cầu công chứng giữ 03 (ba) bản gốc; 01 (một) bản gốc lưu tại Văn phòng công chứng Ngô Văn Hiền, tỉnh Quảng Ngãi.

Số công chứng/2026/CCGD

06361



CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngô Văn Hiền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

Chúng tôi ký tên dưới đây, những người tự nhận thấy có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi của mình, gồm

BÊN ỦY QUYỀN (Sau đây gọi tắt là Bên A):

Ông : **NGÔ TẤN PHÚC**
Sinh ngày : 01/11/1965
Căn cước số : 051065014618, do Bộ Công an cấp ngày 15/10/2025.
Nơi thường trú : Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Sau đây gọi tắt là Bên B):

Ông : **LÊ TRỌNG DŨNG**
Sinh ngày : 24/02/1957
Căn cước công dân số : 051057001791, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/4/2021.
Nơi thường trú : Phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

Qua bàn bạc trao đổi, hai bên cùng tự nguyện lập hợp đồng ủy quyền với nội dung sau:

ĐIỀU 1
NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Bên A ủy quyền cho Bên B được nhân danh và thay mặt Bên A tham gia hòa giải tranh chấp đất đai theo: Đơn yêu cầu hòa giải của ông Lê Trọng Dũng đề ngày 11/3/2026; Công văn số 619/UBND-NC, ngày 18/3/2026, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Cẩm Thành, về việc tham mưu giải quyết đơn của ông Lê Trọng Dũng; Biên bản làm việc ngày 12/6/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị - Ủy ban nhân dân phường Cẩm Thành.

- Trong phạm vi ủy quyền, Bên B được liên hệ với các cá nhân, cơ quan chức năng để tiến hành công việc ủy quyền; được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến công việc ủy quyền; được trình bày các yêu cầu, xuất trình chứng cứ; được lập và ký tên vào các văn bản giấy tờ có liên quan; nộp các khoản phí, lệ phí (nếu có); thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 2
THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Thời hạn ủy quyền kể từ ngày công chứng hợp đồng này cho đến khi thực hiện xong công việc ủy quyền hoặc việc ủy quyền chấm dứt theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 3
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

1. Bên A có các quyền sau đây:

- a. Yêu cầu Bên B thông báo đầy đủ về việc thực hiện công việc ủy quyền;
2. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:
 - a. Cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết để Bên B thực hiện công việc được ủy quyền;
 - b. Chịu trách nhiệm về cam kết do Bên B thực hiện trong phạm vi ủy quyền;
 - c. Thanh toán chi phí hợp lý (nếu có) mà Bên B đã bỏ ra để thực hiện công việc được ủy quyền.

ĐIỀU 4 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Bên B có các quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết nhằm thực hiện công việc ủy quyền;
 - b. Được thanh toán chi phí hợp lý mà mình đã bỏ ra để thực hiện công việc ủy quyền.
2. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thực hiện công việc ủy quyền theo ủy quyền và báo cho Bên A về việc thực hiện công việc đó;
 - b. Báo cho người thứ ba trong quan hệ thực hiện ủy quyền về thời hạn, phạm vi ủy quyền và việc sửa đổi, bổ sung phạm vi ủy quyền;
 - c. Bảo quản, giữ gìn tài liệu và phương tiện được giao để thực hiện việc ủy quyền;
 - d. Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong khi thực hiện ủy quyền;
 - e. Bồi thường thiệt hại do vi phạm các nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng;

ĐIỀU 5 VIỆC NỘP PHÍ CÔNG CHỨNG

Phí công chứng hợp đồng này do Bên A chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 6 CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Đã khai đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin đã ghi trong hợp đồng này; cũng như giấy tờ, hồ sơ liên quan; hai bên không đề nghị Công chứng viên phải xác minh gì thêm, cũng như không có bất kỳ khiếu nại gì liên quan đến việc chứng nhận hợp đồng này trong những nội dung nêu trên.
2. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này.



ĐIỀU 7
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hai bên đã được Công chứng viên giải thích kỹ và đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng này.

2. Hai bên đã đọc hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong hợp đồng và ký vào hợp đồng này trước mặt Công chứng viên.

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm Công chứng viên Văn phòng công chứng Ngô Văn Hiền chứng nhận.

BÊN A

(ký và ghi rõ họ tên)

Tôi đã đọc và đồng ý

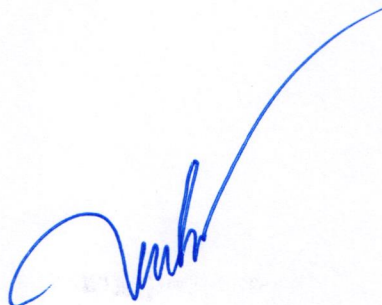

Ngô Văn Hiền

BÊN B

(ký và ghi rõ họ tên)

Tôi đã đọc và đồng ý


Lê Trọng Đạt



..Đ: 19
VĂN PHÒNG
CÔNG CHỨNG
NGÔ VĂN
HIỀN - T.

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 25 tháng 06 năm 2026 (ngày hai mươi lăm, tháng sáu, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu).

Tại trụ sở Văn phòng công chứng Ngô Văn Hiền, địa chỉ: số 125 đường Lê Trung Đình, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

Tôi, công chứng viên, trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng ủy quyền này được giao kết giữa:

BÊN ỦY QUYỀN (Bên A):

Ông : **NGÔ TẤN PHÚC**
Sinh ngày : 01/11/1965
Căn cước số : 051065014618, do Bộ Công an cấp ngày 15/10/2025.
Nơi thường trú : Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Bên B):

Ông : **LÊ TRỌNG DŨNG**
Sinh ngày : 24/02/1957
Căn cước công dân số : 051057001791, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/4/2021.
Nơi thường trú : Phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng này;
- Tại thời điểm ký vào từng trang và điểm chỉ vào trang cuối của hợp đồng này, các bên giao kết có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
- Các bên giao kết cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các thông tin và các giấy tờ đã cung cấp liên quan đến việc giao kết hợp đồng này;
- Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Các bên giao kết đã tự đọc lại, đồng ý toàn bộ nội dung và ký vào từng trang và điểm chỉ vào trang cuối của hợp đồng này trước sự chứng kiến của tôi vào ngày 25 tháng 06 năm 2026 (ngày hai mươi lăm, tháng sáu, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu); chữ ký và dấu điểm chỉ trong hợp đồng đúng là chữ ký và dấu điểm chỉ của các bên nêu trên;
- Văn bản công chứng này được lập thành 04 (bốn) bản gốc, mỗi bản gốc gồm 03 tờ, 04 trang, có giá trị pháp lý như nhau; người yêu cầu công chứng giữ 03 (ba) bản gốc; 01 (một) bản gốc lưu tại Văn phòng công chứng Ngô Văn Hiền, tỉnh Quảng Ngãi.

Số công chứng **06.3.6.2**/2026/CCGD

CÔNG CHỨNG VIÊN



Ngô Văn Hiền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

06363



HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

Chúng tôi ký tên dưới đây, những người tự nhận thấy có đủ năng lực hành vi dân sự và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi của mình, gồm:

BÊN ỦY QUYỀN (Sau đây gọi tắt là Bên A):

Ông : **HỒ NGỌC BÍCH**
Sinh ngày : 29/9/1976
Căn cước công dân số : 051076015732, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/5/2021.
Nơi thường trú : Xã Vệ Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Sau đây gọi tắt là Bên B):

Ông : **LÊ TRỌNG DŨNG**
Sinh ngày : 24/02/1957
Căn cước công dân số : 051057001791, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/4/2021.
Nơi thường trú : Phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

Qua bàn bạc trao đổi, hai bên cùng tự nguyện lập hợp đồng ủy quyền với nội dung sau:

ĐIỀU 1
NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Bên A ủy quyền cho Bên B được nhân danh và thay mặt Bên A tham gia hòa giải tranh chấp đất đai theo: Đơn yêu cầu hòa giải của ông Lê Trọng Dũng đề ngày 11/3/2026; Công văn số 619/UBND-NC, ngày 18/3/2026, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Cẩm Thành, về việc tham mưu giải quyết đơn của ông Lê Trọng Dũng; Biên bản làm việc ngày 12/6/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị - Ủy ban nhân dân phường Cẩm Thành.

- Trong phạm vi ủy quyền, Bên B được liên hệ với các cá nhân, cơ quan chức năng để tiến hành công việc ủy quyền; được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến công việc ủy quyền; được trình bày các yêu cầu, xuất trình chứng cứ; được lập và ký tên vào các văn bản giấy tờ có liên quan; nộp các khoản phí, lệ phí (nếu có); thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 2
THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Thời hạn ủy quyền kể từ ngày công chứng hợp đồng này cho đến khi thực hiện xong công việc ủy quyền hoặc việc ủy quyền chấm dứt theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 3
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

1. Bên A có các quyền sau đây:

- a. Yêu cầu Bên B thông báo đầy đủ về việc thực hiện công việc ủy quyền;
2. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:
 - a. Cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết để Bên B thực hiện công việc được ủy quyền;
 - b. Chịu trách nhiệm về cam kết do Bên B thực hiện trong phạm vi ủy quyền;
 - c. Thanh toán chi phí hợp lý (nếu có) mà Bên B đã bỏ ra để thực hiện công việc được ủy quyền.

ĐIỀU 4 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Bên B có các quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết nhằm thực hiện công việc ủy quyền;
 - b. Được thanh toán chi phí hợp lý mà mình đã bỏ ra để thực hiện công việc ủy quyền.
2. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thực hiện công việc ủy quyền theo ủy quyền và báo cho Bên A về việc thực hiện công việc đó;
 - b. Báo cho người thứ ba trong quan hệ thực hiện ủy quyền về thời hạn, phạm vi ủy quyền và việc sửa đổi, bổ sung phạm vi ủy quyền;
 - c. Bảo quản, giữ gìn tài liệu và phương tiện được giao để thực hiện việc ủy quyền;
 - d. Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong khi thực hiện ủy quyền;
 - e. Bồi thường thiệt hại do vi phạm các nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng;

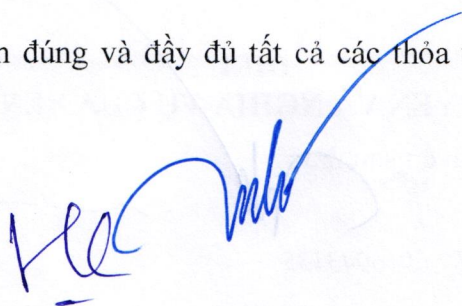
ĐIỀU 5 VIỆC NỘP PHÍ CÔNG CHỨNG

Phí công chứng hợp đồng này do Bên A chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 6 CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Đã khai đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin đã ghi trong hợp đồng này; cũng như giấy tờ, hồ sơ liên quan; hai bên không đề nghị Công chứng viên phải xác minh gì thêm, cũng như không có bất kỳ khiếu nại gì liên quan đến việc chứng nhận hợp đồng này trong những nội dung nêu trên.
2. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này.



ĐIỀU 7
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hai bên đã được Công chứng viên giải thích kỹ và đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng này.

2. Hai bên đã đọc hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong hợp đồng và ký vào hợp đồng này trước mặt Công chứng viên.

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm Công chứng viên Văn phòng công chứng Ngô Văn Hiền chứng nhận.

BÊN A

(ký và ghi rõ họ tên)

Tôi đã đọc và đồng ý

Họ Ngô Bích 

BÊN B

(ký và ghi rõ họ tên)

Tôi đã đọc và đồng ý

Lê Trọng Dũng 



0:19
N PHÒ
NG CH
Ô VĂN
NH-T

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 25 tháng 06 năm 2026 (ngày hai mươi lăm, tháng sáu, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu).

Tại trụ sở Văn phòng công chứng Ngô Văn Hiền, địa chỉ: số 125 đường Lê Trung Đình, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

Tôi*Ngô Văn Hiền*....., công chứng viên, trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng ủy quyền này được giao kết giữa:

BÊN ỦY QUYỀN (Bên A):

Ông : **HỒ NGỌC BÍCH**
Sinh ngày : 29/9/1976
Căn cước công dân số : 051076015732, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/5/2021.
Nơi thường trú : Xã Vệ Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Bên B):

Ông : **LÊ TRỌNG DŨNG**
Sinh ngày : 24/02/1957
Căn cước công dân số : 051057001791, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/4/2021.
Nơi thường trú : Phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng này;
- Tại thời điểm ký vào từng trang và điểm chỉ vào trang cuối của hợp đồng này, các bên giao kết có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
- Các bên giao kết cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các thông tin và các giấy tờ đã cung cấp liên quan đến việc giao kết hợp đồng này;
- Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Các bên giao kết đã tự đọc lại, đồng ý toàn bộ nội dung và ký vào từng trang và điểm chỉ vào trang cuối của hợp đồng này trước sự chứng kiến của tôi vào ngày 25 tháng 06 năm 2026 (ngày hai mươi lăm, tháng sáu, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu); chữ ký và dấu điểm chỉ trong hợp đồng đúng là chữ ký và dấu điểm chỉ của các bên nêu trên;

- Văn bản công chứng này được lập thành 04 (bốn) bản gốc, mỗi bản gốc gồm 03 tờ, 04 trang, có giá trị pháp lý như nhau; người yêu cầu công chứng giữ 03 (ba) bản gốc; 01 (một) bản gốc lưu tại Văn phòng công chứng Ngô Văn Hiền, tỉnh Quảng Ngãi.

Số công chứng**06363**...../2026/CCGD

CÔNG CHỨNG VIÊN



Ngô Văn Hiền